| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 07/2023/DS-PT<br>Ngày: 06/01/2023<br>V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Bích Vân

*Các thẩm phán*: Ông Lê Quang Tấn

Bà Nguyễn Thị Nhiên

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2022/QĐPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Thị L (tên gọi khác: Thị S), sinh năm 1950. Có mặt

Địa chỉ: Số B, tổ B, ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn*: Ông Danh L1, sinh năm 1975. Có mặt

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Cụ Danh V - sinh năm 1928 (là cha bà M). Vắng mặt

3.2. Anh Danh Minh N - sinh ngày 23/8/2002 (là con bà M). Vắng mặt

3.3. Chị Danh Thị Minh T - sinh ngày 08/7/2004 (là con bà M). Vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*4. Người làm chứng*:

4.1. Bà Thị D - sinh năm 1984. Vắng mặt

4.2. Bà Thị Kim T1 - sinh năm 1983. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4.3. Bà Trịnh Thu N1 - sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

***5. Người kháng cáo:*** Bị đơn ông Danh L2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn bà Thị L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Bà Thị Tuyết M1 (vợ ông Danh L1) có làm chủ hụi và bà L có tham gia chơi hụi của bà M1, cụ thể như sau:

Vào ngày 11/4/2017, bà M1 áp dây hụi 3.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm có 53 phần, bà L tham gia 01 phần hụi, khi hụi góp được 25 lần còn lại 28 lần; Vào ngày 26/6/2017 bà M1 áp dây hụi 500.000đ, 01 tuần khui 01 lần, gồm có 72 phần, bà L tham gia 01 phần, khi góp hụi đến lần thứ 40. Sau đó đến tháng 7/2018 thì hụi bị ngừng, do bà M1 chết. Tổng số tiền bà L đã đóng (góp hụi) cho bà M1 là 95.000.000đ.

Sau khi bà M1 chết, thì bà L có yêu cầu ông L1 trả tiền hụi, do gia đình ông L1 khó khăn nên bà L chỉ yêu cầu ông L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M1 là cụ V, anh N, chị T trả số tiền vốn gốc là 75.000.000đ. Khoảng 2-3 tháng, sau khi bà M1 chết thì ông L1 có trả được 03 lần, với số tiền là 6.000.000đ (2.000.000đ/lần) nên số tiền còn nợ là 69.000.000đ. Nay bà L yêu cầu ông L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M1 là cụ V, anh N, chị T trả số tiền hụi là 69.000.000đ.

- *Bị đơn ông Danh L1 trình bày:* Ông không thừa nhận số nợ trên, vì khi bà M1 áp hụi ông hoàn toàn không biết và ông không có chiếm đoạt số tiền hụi mà nguyên đơn khởi kiện.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Thị Tuyết M1 là ông Danh V, anh Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T, không có lời khai.*

- *Người làm chứng bà Trần Thu N2, ông Bùi Văn T2 trình bày*: Các ông/bà có cùng chơi hụi với bà L do bà Thị Tuyết M1 làm chủ. Sau khi bà M1 chết thì các ông/ bà đến gặp ông L1 để tính toán hụi mà bà M1 chết để lại và ông L1 thống nhất sẽ đi gom hụi của những hụi viên khác để trả tiền hụi cho những người chưa hốt hụi (lĩnh hụi).

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:***

Buộc ông Danh L1 và cụ Danh V, anh Danh Minh N, chị Danh Thị Minh T phải trả cho bà Thị L số tiền 69.000.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

***Ngày 10/10/2022 ông Danh L2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:*** Không đồng ý bản án sơ thẩm buộc ông trả cho bà L số tiền 69.000.000đ. Vì hoàn cảnh khó khăn, không có tiền nuôi 2 người con nhỏ đang đi học và cha vợ bị bệnh. Ông không có chiếm dụng số tiền trên, nên ông không đồng ý trả.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

- *Đại diện của bà L trình bày và yêu cầu*: Do những người thừa kế của bà M1 gồm các con còn đi học, cha bà M1 bị bệnh và số tiền bà M1 ông L2 nợ không quá lớn, nhận thấy một mình ông L2 vẫn có khả năng trả nợ nên bà L chỉ yêu cầu ông L2 trả nợ, mà không yêu cầu những người thừa kế của bà M1 thực hiện nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ. Đồng thời, đại diện bà L tự nguyện giảm số tiền nợ cho ông L2, yêu cầu ông L2 trả số tiền là 40.000.000đ, thống nhất theo cách trả dần số nợ như ông L2 nêu, không yêu cầu tính lãi suất.

- *Ông L2 trình bày và có ý kiến*: Thống nhất số tiền còn nợ bà L là 40.000.000đ. Đồng thời xin trả dần, cụ thể: Ngày 15/3/2023 trả số tiền là 10.000.000đ, ngày 15/9/2023 trả số tiền là 10.000.000đ, ngày 15/3/2024 trả số tiền là 10.000.000đ, ngày 15/9/2024 trả số tiền là 10.000.000đ.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Về hướng giải quyết nội dung vụ án*: Do các đương sự đã tự thỏa thuận được về số nợ và cách thanh toán nợ nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông L2, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Do đại diện của bà L chỉ yêu cầu ông L2 trả nợ mà không yêu cầu những khác phải thực hiện nghĩa vụ liên đới. Vì vậy, cụ Danh V, anh Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bà Thị L với ông Danh L1 đã thỏa thuận về việc ông L1 có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 40.000.000đ, về cách thanh toán số nợ như sau: Ngày 15/3/2023 trả số tiền là 10.000.000đ, ngày 15/9/2023 trả số tiền là 10.000.000đ, ngày 15/3/2024 trả số tiền là 10.000.000đ, ngày 15/9/2024 trả số tiền là 10.000.000đ. Phía bà L không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do đó, kháng cáo của ông L1 về việc yêu cầu xem xét lại số tiền nợ là có cơ cơ sở chấp nhận một phần.

[3] Từ những cơ sở, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Danh L2. Thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên về việc sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Mỗi bên phải nộp ½. Theo đó, buộc ông L2 phải nộp án phí với số tiền là 1.000.000đ; Bà Thị lành phải nộp 1.000.000đ, nhưng do bà L thuộc tường hợp "Người cao tuổi" và có yêu cầu nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà L tạm ứng án phí với số tiền là 1.725.000đ.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Ông Danh L1 phải chịu án phí kháng cáo theo quy định khoản 5, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 300, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 471, 615, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Danh L2.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*Tuyên xử:*

1. Công nhận sự tự thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm của bà Thị L với ông Danh L1 về việc: Ông Danh L1 còn nợ bà Thị L số tiền là 40.000.000đ. Về cách thanh toán nợ, ông Danh L1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho bà Thị L trong thời hạn cụ thể như sau: Ngày 15/3/2023 trả số tiền là 10.000.000đ, ngày 15/9/2023 trả số tiền là 10.000.000đ, ngày 15/3/2024 trả số tiền là 10.000.000đ, ngày 15/9/2024 trả số tiền là 10.000.000đ.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản*

*tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. *Về án phí dân sự:*

*Án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Danh L1 phải nộp số tiền là 1.000.000đ.

Hoàn trả cho bà Thị L tạm ứng án phí với số tiền là 1.725.000đ, theo biên lai thu số 0005046, ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*Án phí dân sự phúc thẩm:* Buộc ông Danh L1 phải nộp án phí phúc thẩm với số tiền là 300.000đ. Theo đó, được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo lai thu số 0001729, ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Gò Quao;
- THA dân sự huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Đặng Thị Bích Vân**